

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 114/TTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tăng Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2023 từ 8.092.754 triệu đồng lên 8.140.073 triệu đồng (tăng 47.319 triệu đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công

2.1. Nguồn vốn ngân sách địa phương (xây dựng cơ bản tập trung)

a) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn

- Điều chỉnh tăng nguồn vốn ngân sách địa phương (xây dựng cơ bản tập trung) từ 913.501 triệu đồng lên 936.791 triệu đồng (tăng 23.290 triệu đồng);

- Phân bổ chi tiết 23.290 triệu đồng cho Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên (phần ngân sách tỉnh phân cấp cho cấp huyện) để địa phương bố trí vốn cho các công trình, dự án có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội theo điểm đ khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn

- Điều chỉnh giảm 154.063,358 triệu đồng đối với 20 dự án, gồm: 13 dự án điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị nghiệm thu, quyết toán dự án; 04 dự án đang đề nghị điều chỉnh giảm khối lượng thực hiện; 03 dự án tạm dừng, chưa triển khai được các bước tiếp theo.

- Bổ sung kế hoạch vốn 154.063,358 triệu đồng cho 24 dự án, nhiệm vụ, gồm: 03 dự án chuyển tiếp, 07 dự án khởi công mới năm 2023 (trong đó, bố trí vốn đối ứng thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng 01 dự án do Bộ, ngành Trung ương phê duyệt); 10 dự án dự kiến khởi công mới năm 2024; 02 dự án có nhu cầu bổ sung vốn để hoàn thành trong năm 2023; 01 dự án hoàn trả vốn vay; hỗ trợ 01 địa phương về đích nông thôn mới trong năm 2023.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

2.2. Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh (cấp tỉnh quản lý)

a) Điều chỉnh tăng nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh (cấp tỉnh quản lý) từ 613.843 triệu đồng lên 637.872 triệu đồng (tăng 24.029 triệu đồng).

b) Điều chỉnh giảm 3.883 triệu đồng đối với 01 dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn.

c) Bổ sung kế hoạch vốn 27.912 triệu đồng cho 02 dự án để thanh toán khối lượng đã được nghiệm thu.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

2.3. Nguồn vốn nước ngoài vay lại (Bội chi ngân sách địa phương)

a) Điều chỉnh giảm 2.542 triệu đồng của 01 dự án đã hết nhiệm vụ chi và phần còn lại tại Tiểu mục 2.3, mục 2, Phụ lục I Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Bổ sung kế hoạch vốn 2.542 triệu đồng cho 02 dự án để giải ngân đồng thời với Kế hoạch vốn nước ngoài ngân sách Trung ương năm 2022 đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài sang năm 2023.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan; đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu của các dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười bốn (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục I

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số: **77** /NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2023 đã giao	Kế hoạch vốn năm 2023 bổ sung	Kế hoạch vốn năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
	Tổng số vốn đầu tư công	8.092.754	47.319	8.140.073	
1	Vốn ngân sách Trung ương	1.849.063		1.849.063	
-	Vốn trong nước	1.711.714		1.711.714	
	Trong đó:				
	<i>Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực, dự án trọng điểm, liên vùng</i>	<i>1.016.300</i>		<i>1.016.300</i>	
	<i>Vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia</i>	<i>420.414</i>		<i>420.414</i>	
	<i>Vốn Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>	<i>275.000</i>		<i>275.000</i>	
-	Vốn nước ngoài	137.349		137.349	
2	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	6.243.691	47.319	6.291.010	
	<i>Trong đó: Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới</i>	<i>217.600</i>		<i>217.600</i>	
2.1	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung	913.501	23.290	936.791	
-	Cấp tỉnh	662.930	-31.000	631.930	
-	Cấp huyện	250.571	54.290	304.861	Chi tiết theo Phụ lục II
2.2	Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	13.000		13.000	
-	Các dự án thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo do cấp tỉnh quản lý	7.000		7.000	
-	Hỗ trợ chương trình xây dựng nông thôn mới	6.000		6.000	
2.3	Nguồn vốn nước ngoài vay lại (Bội chi ngân sách địa phương)	287.700		287.700	
-	Đã phân bổ chi tiết theo nhu cầu thực tế	256.617	1.699	258.316	
-	Phần còn lại	31.083	-1.699	29.384	Chi tiết theo Phụ lục IV
2.4	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	4.929.490	24.029	4.953.519	
-	Các dự án sử dụng nguồn vốn thu tiền sử dụng đất	317.439		317.439	
-	Các dự án sử dụng nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh	613.843	24.029	637.872	Chi tiết theo Phụ lục III
-	Các dự án sử dụng nguồn vốn thu tiền sử dụng đất của các huyện, thành phố và chi đầu tư khác	3.998.208		3.998.208	
+	<i>Cấp huyện quản lý</i>	<i>3.880.800</i>		<i>3.880.800</i>	
+	<i>Chi đầu tư khác</i>	<i>117.408</i>		<i>117.408</i>	
2.5	Nguồn thu tiền thuê đất có cơ sở hạ tầng nộp một lần của các nhà đầu tư và vốn sử dụng đất	100.000		100.000	

BIỆU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG)

(Kèm theo Nghị quyết số **17** /NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giải	Lấy kế hoạch hiện từ thời điểm báo cáo	Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn năm 2023 đã giải	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh, bổ sung	Lý do điều chỉnh	Chủ đầu tư Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó:						Tăng	Giảm				
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương										
A	BIỆU CHỈNH TĂNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC NĂM 2023															
I	NGUỒN VỐN BỔ SUNG															
I	Nguyên kinh phí hỗ trợ của Công ty TNHH Khai thác chế biến Khương san Núi Pháo để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên															
II	PHẦN BỔ CHÍ TIẾT NGUỒN VỐN BỔ SUNG															
II	VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG (PHẦN CẤP CHO HUYỆN)															
I	Thành phố Thái Nguyên															
B	BIỆU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023															
BI	BIỆU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN															
I	GIẢI QUYẾT, BẢO TÀO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP															
I	Dự án chuyển tiếp từ giải đoạn 2016 - 2020 sang giải đoạn 2021 - 2025, đã hoàn thành, quyết toán															
I	Trưởng phó thành dân tộc nữ THCS Đinh Hòa tỉnh Thái Nguyên	2017-2021	Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	63.697	16.208	47.489	8.802	50.830	56.100	9.272		3.382	Điều chỉnh giảm phí hỗ trợ giải trí khách hàng hoàn thành quyết toán	Sở Giáo dục và Đào tạo		
II	VĂN HÓA, THÔNG TIN															
I	Dự án chuyển tiếp từ giải đoạn 2016 - 2020 sang giải đoạn 2021 - 2025, chuyển tiếp sang năm 2024															
I	Tu bổ, ion tạo di tích Đền Lạc Giáp xã Đức Sơn, thị xã Phú Yên	2018-2024	Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 06/5/2018	23.453		23.453	19.000	13.480	23.000	10.638	3.438	7.200	Phạt điều chỉnh dự án nên chưa thực hiện giải ngân hết số kế hoạch vốn trong năm 2023	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công, Trung hạn giải ngân 2021-2025 đã giải	Lý do kết thúc thực hiện từ khi công đến thời điểm báo cáo	Lý do vón đã bỏ từ khi công đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vón năm 2023 đã giải	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh, bổ sung	Lý do điều chỉnh	Chưa đầu tư Đem vì thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó:						Tăng	Giảm				
			Trong sách Trung ương		Ngân sách địa phương											
2	Tu bổc tôn tạo di tích Đền thờ Lý Nam Đế (Đền Mỏc) xã Trần Phong, thị xã Phú Yên	2019-2024	Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 07/09/2016	60.000	24.788	35.212	35.212	38.313	49.967	26.314	11.314	15.000	Phạt điều chỉnh dự án nên chưa thực hiện giải ngân hết số kế hoạch vón trong năm 2023	Sơ Văn học, Thế thao và Du lịch		
III	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG			149.194	125.368	23.826	8.620	110.183	139.592	6.475	3.856	2.619				
	Dự án chuyển tiếp từ giải ngân 2016 - 2020 sang giải ngân 2021 - 2025, dự kiến hoàn thành năm 2023															
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thái Nguyên	2017-2023	Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 28/10/2016, 1866/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	149.194	125.368	23.826	8.620	110.183	139.592	6.475	3.856	2.619	Giảm giá trị khối lượng công việc hoàn thành	Sở Tài nguyên và Môi trường		
IV	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			3.977.692	1.581.781	1.337.948	638.604	2.336.995	2.505.852	243.682	128.337.658	115.344.342				
a)	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			1.277.538	213.641	301.451	165.574	223.064	237.124	34.034	11.460.658	22.573.342				
	Dự án chuyển tiếp từ giải ngân 2016 - 2020 sang giải ngân 2021 - 2025, đã hoàn thành, quyết toán															
1	Xây dựng Khu tái định cư tập trung vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở bờ sông và ngập úng, xã Tân Phú, thị xã Phú Yên, tỉnh Thái Nguyên		Quyết định số 3316/QĐ-UBND ngày 12/10/2017, 3341/QĐ-UBND ngày 16/10/2019, 3761/QĐ-UBND ngày 20/11/2019, 3767/QĐ-UBND ngày 20/11/2020, 2141/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	38.000	25.000	13.000	9.333			277	160.658	116.342	Do giảm trừ theo giá trị quyết toán đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3397/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	Chi cục Phát triển nông thôn	Số kế hoạch vón điều chỉnh giảm là 160.657.643 đồng	
2	Dự án Xúc lý cấp bách để tu Công đoạn từ K2-000-K5+000	2020-2022	Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 03/7/2020	25.000	20.000	5.000	4.693	24.529	24.693	1.301	164	1.137	Điều chỉnh giảm phù hợp với giá trị nghiệm thu, quyết toán	Chi cục Thủy lợi		
	Dự án chuyển tiếp từ giải ngân 2016 - 2020 sang giải ngân 2021 - 2025, đang thực hiện															
3	Dự án Khu tái định cư xã Văn Thôn, huyện Đai Từ		Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 27/10/2014	16.119	14.000	2.119	2.119			2.119	2.119	-	Do dự án đang tạm dừng thi công theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 1532/UBND-CNN ngày 16/5/2016 do sạt lở đất, chôn lấp khối được phương án điều chỉnh dự án	Chi cục Phát triển nông thôn	Dự án được bổ vón đến hết năm 2023 theo Nghị quyết 139/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	
	Dự án chuyển tiếp từ giải ngân 2016 - 2020 sang giải ngân 2021 - 2025, hoàn thành trong năm 2023															

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán						Kế hoạch đầu tư công, Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Lũy kế khối lượng thực hiện từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn năm 2023 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh, bổ sung	1,3 do điều chỉnh	Chưa đầu tư Đem vì thực hiện	Chi chủ
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó:		Kế hoạch đầu tư công, Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Tăng					Giảm					
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương												
4	Cung cấp, nâng cấp vườn ươm chè, huyện Phú Yên (đơn tư đầu tư: 2217/QĐ-LUBND ngày 25/10/2013)	2014-2023	Quyết định số 2217/QĐ-LUBND ngày 25/10/2013	147.241	89.641	57.600	15.471	137.605	142.542	10.337	2.000	8.337	Hiện trạng một số đơn cơ nhà ở sát để Chà cơ cao trình bằng cao trình mặt để địa chỉ công. Nhân dân và địa phương để nghị cắt giảm không thi công một số đơn đang gồm để tăng hiệu quả đầu tư, đảm bảo kết nối giao thông giữa khu dân cư hiện có với tuyến đê Chà.	Chi cục Thủy lợi				
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, vùng sản xuất chè tập trung an toàn, chất lượng cao tỉnh Thái Nguyên	2020-2024	Quyết định số 4122/QĐ-BNN-TCCT ngày 30/10/2019	80.000	65.000	15.000	7.683	45.930	51.967	5.000	4.037	963	Một số hồ sơ đầu tư nguyên hiện đã nên chỉ phí giải phóng mặt bằng chưa sử dụng đến là 4.037 trên đồng. Đồng thời, hiện nay Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang xem xét điều chỉnh giảm hạng mục đầu tư xây dựng khu vực xã La Bằng, huyện Đại Từ.	Chi cục Thủy lợi				
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, đang hoàn thiện thủ tục đầu tư																	
6	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất chè đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - Tỉnh Thái Nguyên	2024-2024	Quyết định số 983/QĐ-TTg ngày 16/8/2022	921.178		208.732	126.275	15.000	17.922	15.000	2.980	12.020	Nhà tài trợ thay đổi kế hoạch làm việc, chưa triển khai được tiếp theo	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
b)	Giao thông			2.311.610	1.368.140	943.470	382.278	2.108.796	2.251.344	197.399	104.628	92.771						
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025, đã hoàn thành, quyết toán																	
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.261 đoạn từ Km1+00 đến Km20+00, tỉnh Thái Nguyên	2021-2022	Quyết định số 3574/QĐ-LUBND ngày 30/10/2019, số 3048/QĐ-LUBND ngày 28/9/2021	218.929	197.060	21.869	17.657	179.896	216.968	14.206	2.343	11.863	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông				
2	Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên đoạn từ Khu công nghiệp Yên Bái đến đường ĐT.266 (Khu công nghiệp Diêm Thủy)	2014-2017	Quyết định số 1173/QĐ-LUBND ngày 13/6/2014, số 2233/QĐ-LUBND ngày 09/10/2014, số 2014/QĐ-LUBND ngày 22/01/2016	297.740		297.740	21.280	236.426	244.435	8.000	6.753	1.247	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông				
3	Đường nối từ Quốc lộ 3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) đến Khu công nghiệp Yên Bái (đơn tư từ núi gào Yên Bái đến Km1+631,8)	2014-2017	Quyết định số 2073/QĐ-LUBND ngày 19/9/2014, số 1234/QĐ-LUBND ngày 27/9/2015	345.801	200.000	145.801	16.268	324.261	345.801	27.124	21.435	5.689	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với giá trị quyết toán dự án và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông				

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công, Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Lấy kế hoạch thực hiện từ thời điểm báo cáo	Lấy kế vốn đã bố trí từ khoản công đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn năm 2023 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh, bổ sung	1,5 do điều chỉnh	Chưa đầu tư/Đầu tư thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó:						Tăng	Giảm				
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương										
1	Dự án mở rộng quy mô về sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên	2017-2022	Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 28/10/16, 4037/QĐ-UBND ngày 16/12/2019, 1332/QĐ-UBND ngày 29/4/2021, 1545/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	231.223	178.751	27.278	11.150	219.511	199.909	-	4.235	4.235	Bổ hoàn trả vốn vay WB theo chủ trương của UBND tỉnh và Văn bản số 626/UBND-CN/NXD ngày 13/12/2022	Trung tâm Sinh học và Vệ sinh môi trường nông thôn		
2	Cải tạo, nâng cấp các hồ đập trên địa bàn	2023-2025	Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	149.017		149.017	50.000	7.000	7.650	7.500	15.000	22.500	Bổ trư và trên khai thi công xây, lắp vào Quy IV/2023, đảm bảo an toàn hồ chứa	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
3	Sửa chữa, khắc phục Kê Sỏi Quyệt và Tràn Phong, Thị xã Phú Yên (muy là thành phố Phú Yên)		Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021, Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	15.000		15.000	15.000	2.200	2.350	2.250	7.000	9.250	Công trình phòng chống lũ cần bổ sung thêm vốn để sớm hoàn thành đưa vào sử dụng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI			405.000		405.000	88.312	12.000	177.778	30.000	51.312	81.312				
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025, chuyển tiếp sang năm 2024															
1	Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc khởi các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	2023-2024	Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	405.000		405.000	88.312	12.000	177.778	30.000	51.312	81.312	Điều chỉnh tăng để đầy minh kiến đó thực hiện dự án	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp		
	CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LIỆT			-		-	162.274	102.160	102.160	30.928	31.000	61.928				
	VÒNG XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG (PHẦN CẤP CHO HUYỆN)			-		-	162.274	102.160	102.160	30.928	31.000	61.928				
1	Huyện Đại Từ						162.274	102.160	102.160	30.928	31.000	61.928	Bổ sung kế hoạch vốn để địa phương phân đầu về dịch nông thôn mới trong năm 2023	Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ		
	BỘ TRƯỞNG KẾ HOẠCH VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, TRƯỞNG HIỆN ĐẦU TƯ			100.850		100.850	100.850	-	-	-	2.105.331	2.105.331				
1	GIÁO DỤC, BẢO TÀO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			95.850		95.850	95.850	-	-	-	1.905.331	1.905.331				
1	Dự án Nhà học 16 phòng Trường Trung học phổ thông Sông Công	2022-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	10.000		10.000	10.000	-	-	-	200	200	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp		
2	Dự án Nhà học 15 phòng Trường Trung học phổ thông Đình Hòa	2022-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	10.000		10.000	10.000	-	-	-	200	200	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp		

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Lấy, kế hoạch hiện thực hiện từ thời điểm báo cáo	Lấy, kế vốn đã bố trí từ khoản công đến thời điểm báo cáo	Kế hoạch vốn năm 2023 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh, bổ sung	1,3, do điều chỉnh	Chưa đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó:						Tăng	Giảm				
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương										
3	Dự án Nhà lớp học, phòng học bộ môn, phòng tổ chức môn Trường Trung học phổ thông Đại Từ	2022-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	13.000	13.000	13.000	-	-	-	200	200	200	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp		
4	Dự án Nhà lớp học bộ môn, thư viện Trường Trung học phổ thông Phú Yên	2022-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	5.000	5.000	5.000	-	-	-	200	200	200	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp		
5	Dự án Nhà đa năng, nhà lớp học 6 phòng Trường Trung học phổ thông Hoàng Quốc Việt	2022-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	10.000	10.000	10.000	-	-	-	200	200	200	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp		
6	Dự án Nhà đa năng Trường Trung học phổ thông Lưu Nhân Chú	2023-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	6.000	6.000	6.000	-	-	-	200	200	200	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp		
7	Dự án Nhà đa năng Trường Trung học phổ thông Trần Phú	2023-2025	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	6.000	6.000	6.000	-	-	-	200	200	200	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp		
8	Dự án Nhà đa năng Trường Trung học phổ thông Kìanh Hòa	2022-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	6.000	6.000	6.000	-	-	-	200	200	200	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp		
9	Xây dựng Nhà lớp học 16 phòng, Nhà bếp bộ trường THPT Lương Ngọc Quyến	2022-2024	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	29.830	29.830	29.830	-	-	-	305.331	305.331	305.331	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp		
<p>HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI</p>																
1	Dự án Xây dựng nhà làm việc Hạt kiểm lâm Phú Bình	2022-2024	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	5.000	5.000	5.000	-	-	-	200	200	200	Chuẩn bị đầu tư dự án để dự kiến khởi công năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp		

PHỤ LỤC III
ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SÁP XEP LẠI NHÀ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)
(Kèm theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư/QĐ phê duyệt dự án/QĐ phê duyệt quyết toán					Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch năm 2023 sau điều chỉnh, bổ sung	Lý do điều chỉnh	Chịu đầu tư/Đem vi thực hiện	Ghi chú				
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó:		Kế hoạch đầu tư công trong hạn giải ngân 2023 đã giao (nguồn thu tiền sử dụng đất)	Lấy kế hoạch tương tự từ khoản công đến thời điểm báo cáo	Lấy kế vốn đã bố trí từ khoản công đến thời điểm báo cáo (nguồn thu tiền sử dụng đất)					Kế hoạch năm 2023 đã giao (nguồn thu tiền sử dụng đất)	Tăng	Giảm	
A	ĐIỀU CHỈNH TĂNG NGUỒN VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SÁP XEP LẠI NHÀ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)																
1	Kinh phí còn dư của Dự án Xây dựng hạ tầng Khu đô thị số 4 tỉnh Hưng Sơn, huyện Phú Bình																
2	Kinh phí tiền sử dụng đất năm 2022 tăng thêm so với phương án điều hành ngân sách																
B	PHÂN BỐ CHI TIẾT VÀ ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG KẾ HOẠCH																
BI	ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN																
I	HOÀN TRẢ VỐN ỨNG TÀI CÁC QUỸ																
1	Dự án xây dựng hạ tầng Khu đô thị số 4, thị trấn Hưng Sơn, huyện Phú Bình	2019-2021	Quyết định số 2894/QĐ-UBND ngày 23/9/2017; số 3369/QĐ-UBND ngày 05/11/2018; số 695/QĐ-UBND ngày 18/3/2021	60.257	200.000	60.257	60.257	60.257	60.257	60.257	60.257	60.257	17.553	3.883	13.670	Quyết định phát triển tỉnh Thái Nguyên	
B3	PHÂN BỐ CHI TIẾT NGUỒN VỐN BỔ SUNG																
I	THỂ DỤC, THỂ THAO																
1	Xây dựng Sân vận động tỉnh Thái Nguyên	2022-2025	Nghị quyết số 179/NQ-HĐND ngày 04/11/2021; số 68/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; Quyết định số 3931/QĐ-UBND ngày 09/12/2022; 2800/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	535.992	200.000	266.062	335.692	187.198	113.700	83.700	13.883	97.583	Bổ sung kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng đã được nghiệm thu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp			
II	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI																
1	Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	2023-2024	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	405.000	-	405.000	316.388	34.332	140.778	110.778	14.029	124.807	Bổ sung kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng đã được nghiệm thu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp			

Phụ lục IV

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
 NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) - BỐI CHÍ NGÂN SÁCH TỈNH
 (Kèm theo Nghị quyết số: **77** /NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định: ngày, tháng, năm Ban hành	Quyết định chi trong đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán										Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư		Lý do điều chỉnh đã bỏ trị từ công trình thực hiện		Lý do điều chỉnh đã bỏ trị từ công trình thực hiện		Kế hoạch năm 2023 vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) Vay lại - Bội chi ngân sách tỉnh đã giao	Điều chỉnh, bổ sung	Lý do điều chỉnh	Chịu đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú					
				Trong mức đầu tư					Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Trong đó:		Trong đó:		Kế hoạch năm 2023 vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) Vay lại - Bội chi ngân sách tỉnh đã giao	Tăng	Giảm											
				Vốn đối ứng		Vay đối ra tiền Việt			Quy đổi ra tiền Việt		Dựa vào cân đối ngân sách Trung ương		Vay lại		Bội chi ngân sách địa phương		Vay nước ngoài (tính theo tiền Việt) Đưa vào cân đối ngân sách Trung ương				Kế hoạch năm 2023 vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) Vay lại - Bội chi ngân sách tỉnh đã giao						Tăng	Giảm			
				Trong đó: Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Tổng số	Tỷ lệ ngân sách địa phương	Tổng số	Tỷ lệ ngân sách Trung ương	Tổng số	Tỷ lệ ngân sách Trung ương	Tổng số	Tỷ lệ ngân sách Trung ương	Tổng số	Tỷ lệ ngân sách Trung ương																
TỔNG SỐ:				507.992	511.74	0	51.324	0	442.133	357.298	84.835	167.144	38.558	128.586	110.568	74.500	79.569	33.920	2.542	2.542	33.920										
A ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN				149.194	23.826	0	23.976	0	125.368	87.758	37.610	63.120	22.724	40.396	21.326	28.079	35.690	33.920	0	2.542	31.378										
I LINH VỰC TẠI NGUYỄN				149.194	23.826	0	23.976	0	125.368	87.758	37.610	63.120	22.724	40.396	21.326	28.079	35.690	2.837	0	843	1.994										
<i>Dự án hoàn thành, chuyển tiếp</i>				149.194	23.826	0	23.976	0	125.368	87.758	37.610	63.120	22.724	40.396	21.326	28.079	35.690	2.837	0	843	1.994										
<i>Tăng cường quản lý đầu tư và cơ sở dữ liệu tỉnh Thái Nguyên</i>				2017-2022	Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 28/6/2016; số 1248/QĐ-UBND ngày 26/4/2021; số 1866/QĐ-UBND ngày 17/8/2022	149.194	23.826	0	23.976	5.883.710 USD	125.368	87.758	37.610	63.120	22.724	40.396	21.326	28.079	35.690	2.837	843	1.994									
II PHẦN CÒN LẠI																															
B ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN																															
I NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN																															

Ghi chú: 1. Mục 2, Phụ lục I Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08/12/2022

STT	Danh mục dự án	Thời gian hoàn công - hoàn thành	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chi trong đầu tư/Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán											Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã thực hiện		Lấy kế hoạch vốn đã bố trí từ năm 2023, vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) - Bộ chỉ ngân sách tỉnh đã giao		Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch năm 2023 vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) - Bộ chỉ ngân sách tỉnh sau điều chỉnh	Lý do điều chỉnh	Chịu đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
				Trong mức đầu tư						Vốn nước ngoài (theo Hợp định)					Trong đó:		Kế hoạch năm 2023 vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) - Bộ chỉ ngân sách tỉnh đã giao		Tăng	Giảm						
				Vốn đầu tư			Vốn đối ứng			Quy định ra tiền Việt					Vận nước ngoài (tính theo tiền Việt) - Bộ chỉ ngân sách Trung ương		Lấy kế hoạch vốn đã bố trí từ năm 2023, vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) - Bộ chỉ ngân sách tỉnh đã giao	Lấy kế hoạch vốn đã bố trí từ năm 2023, vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) - Bộ chỉ ngân sách tỉnh đã giao								
				Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số					Tổng số					
1	Dự án mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế	2018-2023	Các Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 28/10/16; số 4037/QĐ-UBND ngày 16/12/2019; số 1322/QĐ-UBND ngày 29/4/2021; số 1545/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	358.798	27.348	0	27.348	#VALUE!	316.765	269.540	47.225	104.024	15.834	88.190	89.242	46.421	43.879	0	2.542	0	2.542	Bổ sung để giải ngân đồng thời với Kế hoạch vốn nước ngoài NSTW năm 2022 đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài sang năm 2023	Trung tâm Nước sạch hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn			
2	Sân chĩa và nâng cao an toàn đập (WB8)	2018-2023	Quyết định số 3250/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; số 5880/QĐ-UBND ngày 4/3/2021	127.575	6.523	0	6.523	5,38 triệu USD	121.052	90.789	30.263	46.447	11.147	35.300	42.331	29.576	27.482	0	2.094	2.094	Bổ sung để giải ngân đồng thời với Kế hoạch vốn nước ngoài NSTW bổ sung năm 2023 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ	Ban quản lý dự án DTXD công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				